SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; Thời gian ký: 10/06/2024 14:43:24 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 179 /BC-UBND	*Bình Phước, ngày 10 tháng 6 năm 2024*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X - kỳ họp thứ 11 về dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2023, tỉnh Bình Phước.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước: 12.259 tỷ đồng, bằng 84% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 82% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Trong đó:

1. Thu nội địa: 10.901 tỷ đồng, bằng 82% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 80% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Có 8/16 khoản thu thực hiện vượt dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: 100%; Thu từ công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 110%; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 201%; Thu tiền thuê đất: 119%; Thu khác ngân sách: 139%; Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 122%; Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế: 100%; Thu xổ số kiến thiết: 110%).

- Có 7/16 khoản thu thực hiện không đạt dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý: 79%; Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 57%; Lệ phí trước bạ: 46%; Thuế thu nhập cá nhân: 82%; Thuế bảo vệ môi trường: 59%; Phí, lệ phí: 98%; Thu tiền sử dụng đất: 35%).

- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác: 1.123 triệu đồng.

2. Thu từ Hải quan: 1.349 tỷ đồng, bằng 111% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

3. Các khoản thu quản lý qua ngân sách: 9 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Biểu số 01)

II. Chi ngân sách địa phương: 16.335 tỷ đồng, bằng 107% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 89% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

(Loại trừ số chi chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 là 13.765 tỷ đồng, bằng 90% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 75% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua).

Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển *(bao gồm số quyết toán các dự án hoàn thành các năm trước chuyển sang):* 6.244 tỷ đồng, bằng 97% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 123% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

2. Chi thường xuyên: 7.502 tỷ đồng, bằng 103% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 74% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Có 04/11 khoản chi thực hiện vượt dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (Chi an ninh quốc phòng: 116%; Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 101%; Chi văn hóa thông tin: 103%; Chi quản lý hành chính: 134%).

- Có 07/11 khoản chi thực hiện không đạt dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 93%; Chi khoa học công nghệ: 82%; Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn: 83%; Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 92%; Chi sự nghiệp kinh tế: 26%; Chi đảm bảo xã hội: 59%; Chi khác ngân sách: 82%).

3. Chi chuyển nguồn: 2.559 tỷ đồng.

4. Chi nộp ngân sách cấp trên: 11 tỷ đồng

5. Các khoản chi quản lý qua ngân sách: 9 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Biểu số 02)

III. Cân đối ngân sách:

Tổng nguồn thu ngân sách địa phương năm 2023 là: **21.943 tỷ đồng.**

Trong đó:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 10.538 tỷ đồng.
- Thu trợ cấp từ ngân sách Trung ương: 2.295 tỷ đồng.
- Thu kết dư: 93 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn: 9.017 tỷ đồng.
- Thu vay của ngân sách địa phương: 0,484 tỷ đồng.

Cân đối với tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 là **16.335 tỷ đồng**. Tồn quỹ ngân sách địa phương năm 2023 là: **5.608 tỷ đồng**, trong đó:

- Tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh: 4.175 tỷ đồng.

- Tổng quỹ ngân sách cấp huyện: 1.227 tỷ đồng.
- Tồn quỹ ngân sách cấp xã: 206 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- HĐND tỉnh ;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư ;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, (Quế-07.6).

CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Biểu số 01

BÁO CÁO TỔNG HỢP THU NSNN, VAY NSĐP NĂM 2023 TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 179 /BC-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện	So sánh (%)	
					Bộ Tài chính giao	HĐND quyết định
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*3/1*	*3/2*
A	**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**14.592.000**	**14.888.000**	**12.259.168**	**84**	**82**
I	**Thu nội địa**	**13.372.000**	**13.668.000**	**10.901.153**	**82**	**80**
1	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý**	**570.000**	**570.000**	**450.300**	**79**	**79**
	- Thuế giá trị gia tăng	296.000	408.000	237.531	80	58
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	242.000	120.000	162.948	67	136
	- Thuế tài nguyên	32.000	42.000	49.821	156	119
2	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý**	**500.000**	**500.000**	**502.222**	**100**	**100**
	- Thuế giá trị gia tăng	254.000	245.170	179.407	71	73
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.000	142.830	216.656	163	152
	- Thuế tài nguyên	113.000	112.000	106.159	94	95
3	**Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**	**860.000**	**860.000**	**494.138**	**57**	**57**
	- Thuế giá trị gia tăng	370.000	589.930	232.308	63	39
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	489.900	270.000	261.568	53	97
	- Thuế tài nguyên	100	70	262	262	374
4	**Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh**	**1.860.000**	**1.860.000**	**2.037.102**	**110**	**110**
	- Thuế giá trị gia tăng	1.477.000	1.591.075	1.683.700	114	106
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	295.000	157.900	267.105	91	169
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.500	106.810	2.976	119	3
	- Thuế tài nguyên	85.500	4.215	83.321	97	1.977
5	**Lệ phí trước bạ**	**770.000**	**770.000**	**357.790**	46	46
6	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**	**8.000**	**10.000**	**20.124**	252	201
7	**Thuế thu nhập cá nhân**	**1.100.000**	**1.100.000**	**899.471**	82	82
8	**Thuế bảo vệ môi trường**	**210.000**	**210.000**	**123.953**	59	59
9	**Phí, lệ phí**	**145.000**	**145.000**	**142.427**	98	98
10	**Tiền sử dụng đất**	**5.000.000**	**3.807.000**	**1.350.407**	27	35
11	**Thu tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển**	**1.100.000**	**2.332.000**	**2.769.117**	252	119
12	**Thu khác ngân sách**	**250.000**	**305.000**	**424.633**	170	139
13	**Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**	**85.000**	**85.000**	**103.442**	122	122
14	**Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác**	**-**	**-**	**1.123**		
15	**Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế**	**14.000**	**14.000**	**13.941**	100	100

STT	Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện	So sánh (%)	
					Bộ Tài chính giao	HĐND quyết định
16	**Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)**	**900.000**	**1.100.000**	**1.210.963**	135	110
II	**Thu Hải quan**	**1.220.000**	**1.220.000**	**1.348.878**	**111**	**111**
III	**Thu viện trợ**			0		
IV	**Các khoản huy động, đóng góp**			**9.137**		
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng			5.241		
2	Các khoản huy động đóng góp khác			3.896		
B	**VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**24.400**	**24.400**	**484**		
I	**Vay bù đắp bội chi NSĐP**	**24.400**	**24.400**	484		
1	Vay trong nước			0		
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	24.400	24.400	484		
II	**Vay để trả nợ gốc vay**			**0**		
1	Vay trong nước					
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			0		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Biểu số 02

BÁO CÁO TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 179 /BC-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện	So sánh (%)	
					Bộ Tài chính giao	HĐND quyết định
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*3/1*	*3/2*
	TỔNG (A+B)	**15.279.204**	**18.345.000**	**16.335.360**	**107**	**89**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH**	**14.011.197**	**18.345.000**	**16.326.223**	**117**	**89**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**6.426.610**	**5.066.774**	**6.244.057**	**97**	**123**
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực		5.066.774	6.244.057		123
II	**Chi trả gốc và lãi vay theo quy định**	-		10.576		
III	**Chi thường xuyên**	**7.303.851**	**10.168.012**	**7.501.565**	**103**	**74**
1	Chi quốc phòng - an ninh		414.856	479.859		116
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.154.850	3.227.153	3.001.738		93
3	Chi khoa học và công nghệ	25.182	25.182	20.690	82	82
4	Chi y tế, dân số và gia đình		665.288	670.747		101
5	Chi văn hóa thông tin		155.517	159.841		103
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		114.390	95.371		83
7	Chi bảo vệ môi trường	-	93.722	86.041		92
8	Chi sự nghiệp kinh tế		3.645.840	950.189		26
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1.260.868	1.685.705		134
10	Chi bảo đảm xã hội		492.068	291.363		59
11	Chi khác		73.128	60.021		82
IV	**Dự phòng ngân sách**	**279.736**	**387.159**	-	-	-
V	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**1.000**	**1.000**	-	-	-
VI	**Chi chuyển nguồn**			**2.558.951**		
VII	**Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương**		**2.722.055**	-		-

STT	Nội dung chi	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện	So sánh (%)	
					Bộ Tài chính giao	HĐND quyết định
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*3/1*	*3/2*
VIII	**Chi nộp ngân sách cấp trên**			**11.074**		
IX	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW**	**1.268.007**	**-**	**-**		
B	**CÁC KHOẢN CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH**			**9.137**		